

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2025/HSST
Ngày: 23/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Thùy - Thư ký TAND thành phố Biên Hoà.

- Đại diện VKSND thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 21 tháng 4 năm 2025 đến ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở TAND thành phố Biên Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 171/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Danh N**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Ba N1; Sinh ngày 08 tháng 7 năm 1993, tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ A, khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ me; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Con ông Danh N2, không rõ năm sinh (Đã chết) và bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1963 (Còn sống); Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con út; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Kim P (sinh năm 1998) và có 01 người con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B trực thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Họ và tên: **Nùng Ngọc L**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 25 tháng 10 năm 1985, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ B, ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Con ông Nùng Văn B, không rõ năm sinh (Đã chết) và bà Hoàng Thị B1, sinh năm 1955 (Còn sống); Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ 6 và chưa có vợ, con;

Tiền án:

- Ngày 27/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/4/2018; (chưa xóa án tích)

- Ngày 25/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/9/2023; (chưa xóa án tích)

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/4/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B trực thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (có mặt).

3. Họ và tên: **Phạm Huy K**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 25 tháng 7 năm 2001, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ B, ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Con ông Võ Minh T, sinh năm 1965 (Còn sống) và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1983 (Còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị Phi L2, sinh năm 1994 và có 02 người con (sinh năm 2019 và 2024); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B trực thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị hại: Anh Phạm Tấn Đ, sinh năm 2001; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh N, Nùng Ngọc L và Phạm Huy K là bạn bè với nhau và có quen biết với bà Nguyễn Thị Ngọc T1 (sinh năm 1981, nơi đăng ký thường trú: tổ B, ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai). Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 13/4/2024, N, L và K đến phòng trọ của bà T1 tại địa chỉ: số A, tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B chơi. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì có Phạm Tấn Đ (sinh năm 2001, nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai) cũng là người quen của bà T1, điều khiển xe mô tô biển số 60B9-601.46 đến chơi. Tại đây, do N đã có mâu thuẫn nợ nần tiền bạc với Đ từ trước (Đ mua điện thoại của N nhưng chưa trả tiền, N đã nhiều lần tìm Đ không được) nên khi thấy Đ đến N liền cầm 01 cây kéo (bằng kim loại, dài khoảng 20cm) đi ra ngoài gặp Đ, thấy vậy L cũng cầm theo 01 cây gậy (bằng nhựa) rồi cùng K đi theo N. Khi thấy N cầm cây kéo trên tay tiến lại gần thì Đ cầm bình xịt hơi cay xịt về phía N thì L liền cầm cây gậy xông lên đánh Đ thì Đ bỏ chạy. N liền điều khiển xe mô tô chở L và K đuổi theo Đ để đánh nhưng không được nên cả bọn quay lại khu vực trước nhà trọ của bà T1, thấy chiếc xe mô tô 60B9-601.46 của Đ đang dựng trên hành lang, N chỉ đạo L và K vào lấy chiếc xe mô tô của Đ về để ép Đ trả tiền. Thực hiện chỉ đạo của N, L vào lách cổ xe kiểm tra phát hiện xe không khóa cổ nên L nói K vào dắt xe ra ngoài. Sau đó, K điều

khiến xe của anh Đ cùng với L và K đi đến nhà nghỉ "V" thuộc tổ A, khu phố B, phường T, thành phố B do ông Huỳnh Long H (sinh năm 1966) làm chủ thuê phòng ngủ, còn N điều khiển xe đi tìm bạn. Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 14/4/2024, do không có tiền trả tiền thuê phòng nên L và K bị ông H đuổi không cho ở. Lúc này, L dắt chiếc xe của anh Đ ra ngoài, tháo đầu dây điện xe mô tô để nổ máy xe nhưng không được, sợ mọi người phát hiện là xe gian nên L dắt chiếc xe mô tô chiếm đoạt được của Đ vào dây trụ đối diện nhà nghỉ "V" cất giấu sau đó bỏ đi về thì bị mất trộm. Sự việc xảy ra, anh Đ đã đến trình báo Công an phường T lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, khởi tố xử lý.

* Vật chứng vụ án gồm:

- 01 chiếc xe mô tô biển số 60B9-601.46 là tài sản của anh Đ bị chiếm đoạt. Kết quả xác minh thể hiện: Chiếc xe trên được ông Phạm Văn B2 (sinh năm 1976, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai) là bố của anh Đ mua lại từ cửa hàng xe máy "N" (địa chỉ tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, do bà Trần Thị Thúy M - sinh năm 1986 làm chủ) và giao cho anh Đ để sử dụng thì bị các bị can chiếm đoạt, sau đó làm mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 cây kéo (bằng kim loại, dài khoảng 20cm) và 01 cây gậy (bằng nhựa, dài khoảng 1,5m) là hung khí các đối tượng sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, sau đó đã vứt bỏ, không xác định được địa điểm cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- 01 USB bên trong chứa 04 (bốn) đoạn video ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can. Lưu kèm theo hồ sơ vụ án;

- 01 gậy ba khúc (cán màu đen, dài khoảng 65cm, phần đuôi có chữ SHY) và 01 bình xịt hơi cay màu xanh (loại Nato dung tích 110ml), tạm giữ của anh Phạm Tấn Đ, là vật cấm đã chuyển cho Công an thành phố B xử lý hành chính đối với Phạm Tấn Đ và tịch thu theo quy định.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô biển số 60B9-601.46, trị giá 16.800.000đ (Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng).

* Về dân sự: Bị hại anh Phạm Tấn Đ không yêu cầu các bị can bồi thường.

Tại Cáo trạng số 207/CT-VKSBH-HS ngày 06/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố các bị cáo Danh N, và Phạm Huy K về tội "Cướp tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nùng Ngọc L về tội "Cướp tài sản", quy định tại điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo cáo trạng, đề nghị Tòa án tuyên bố các bị cáo phạm tội "Cướp tài sản", quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt như sau:

Xử phạt bị cáo Danh N từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù;

Xử phạt bị cáo Nùng Ngọc L từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù;

Xử phạt bị cáo Phạm Huy K từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, các bị cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác và đã

khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại anh Phạm Tấn Đ vắng mặt. Quá trình điều tra, bị hại đã có lời khai đầy đủ và không yêu cầu bồi thường. Việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt bị hại theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ 47 phút, ngày 13 tháng 4 năm 2024, tại khu vực dãy trọ địa chỉ số A, tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Danh N, Nùng Ngọc L và Phạm Huy K đã có hành vi dùng hung khí đuổi đánh và chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô biển số 60B9-601.46, trị giá 16.800.000đ (Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng) của anh Phạm Tấn Đ thì bị khởi tố, điều tra xử lý.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã viện dẫn và truy tố các bị cáo Danh N và Phạm Huy K về tội "Cướp tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; Nùng Ngọc L về tội "Cướp tài sản", quy định tại các điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo đều đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò đồng phạm của các bị cáo: Trong vụ án, bị cáo N là người chủ mưu, xúi giục các bị cáo L và K phạm tội, đồng thời trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm nên bị cáo N là đồng phạm giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo L và K đều là những người tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên đều là đồng phạm cùng giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo K phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt nên cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị can K, theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Đối với các bị cáo Danh N và Nùng Ngọc L đều đã từng nhiều lần bị đưa ra xét xử nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục phạm tội thể hiện các bị cáo là người coi thường pháp luật và khó cải tạo nên cần có mức án nghiêm khắc hơn so với bị cáo K.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 USB bên trong chứa 04 (bốn) đoạn video ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo: Tiếp tục lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 gậy ba khúc (cán màu đen, dài khoảng 65cm, phần đuôi có chữ SHY) và 01 bình xịt hơi cay màu xanh (loại Nato dung tích 110ml), tạm giữ của anh Phạm Tấn Đ, là vật cấm đã chuyển cho Công an thành phố Biên Hòa xử lý hành chính đối với Phạm Tấn Đ và tịch thu là đúng quy định pháp luật.

[7] Về dân sự: Bị hại anh Phạm Tấn Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[8] Đối với anh Phạm Tấn Đ có hành vi sử dụng bình xịt hơi cay và gậy ba khúc không có giấy phép, Cơ quan điều tra đã chuyển Công an thành phố Biên Hòa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Danh N, Nùng Ngọc L, Phạm Huy K phạm tội “Cướp tài sản”. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Danh N: 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2024.

Căn cứ điểm d, h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nùng Ngọc L: 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2024.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Huy K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2024.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Danh N, Nùng Ngọc L, Phạm Huy K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

3. Về kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám